ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ BÀU LÂM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1028 /QĐ-UBND	*Bàu Lâm, ngày 24 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường bê tông nhựa, mương thoát nước địa bàn ấp Bàu Chiên - Bàu Ngứa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÀU LÂM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-CTUBND ngày 17/10/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Bàu Lâm về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng đường bê tông nhựa, mương thoát nước địa bàn ấp Bàu Chiên - Bàu Ngứa;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 164/TTr-PKT ngày 23 tháng 6 năm 2026 về việc đề nghị phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường bê tông nhựa, mương thoát nước địa bàn ấp Bàu Chiên - Bàu Ngứa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường bê tông nhựa, mương thoát nước địa bàn ấp Bàu Chiên - Bàu Ngứa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường bê tông nhựa, mương thoát nước địa bàn ấp Bàu Chiên - Bàu Ngứa.

2. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng).

3. Địa điểm xây dựng: Xã Bàu Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Bàu Lâm.

5. Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND và UBND xã Bàu Lâm.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng An Phương. Tổ chức tư vấn giám sát khảo sát, thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bình Minh.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại và cấp quản lý công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

- Thời hạn sử dụng: Dưới 20 năm.

8. Mục tiêu dự án:

Nâng cấp, mở rộng đường bê tông nhựa, mương thoát nước địa bàn ấp Bàu Chiên - Bàu Ngựa nhằm mục tiêu bảo vệ kết cấu nền mặt đường, đảm bảo việc lưu thông của người dân trên địa bàn các ấp được thuận lợi. Đồng thời giải quyết vấn đề thoát nước, vệ sinh môi trường cho khu vực. Góp phần hoàn thiện hạ tầng giao thông của địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

Dự án Nâng cấp, mở rộng đường bê tông nhựa, mương thoát nước địa bàn ấp Bàu Chiên - Bàu Ngứa xã Bàu Lâm gồm 12 tuyến đường với tổng chiều dài các tuyến khoảng 10,622km. Bao gồm các hạng mục: Nền - Mặt đường; hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông.

9.1. Quy mô và Chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu áp dụng cho các tuyến đường theo tiêu chuẩn TCVN 10380 : 2014 "Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế" như sau:

- Cấp đường thiết kế : Cấp B
- Vận tốc tính toán : 20 km/h
- Loại mặt đường các tuyến : Cấp cao A1 (BTNC 12.5)
- Tải trọng tính toán : Xe trục đơn 10T

- Bán kính đường cong nằm tối thiểu thông thường : R_{min} = 30 (15)m
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn : R_{min} = 15m
- Độ dốc dọc lớn nhất : i_{dmax} = 5 (13)%.
- Chiều dài lớn nhất của đoạn có độ dốc lớn hơn 5% : 300m.

- Đối với các tuyến khó khăn về điều kiện mặt bằng; dự án chỉ cải tạo, nâng cấp trên mặt bằng tuyến hiện trạng và không tiến hành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng nên kiến nghị quy mô đầu tư theo quy mô bề rộng tuyến hiện hữu.

9.2. Giải pháp thiết kế:

a. Bình đồ tuyến:

- Tuyến 1 ấp Bàu Chiên có chiều dài khoảng 1.219,55m. Điểm đầu tuyến giao với đường BTN hiện trạng (có tọa độ X=1188746.35; Y=464107.32), điểm cuối tuyến giao với đường BTN hiện trạng (có tọa độ X=1187842.67; Y=464831.09);

- Tuyến 2 ấp Bàu Chiên có chiều dài khoảng 1.563,13m. Điểm đầu tuyến giao với đường BTN hiện trạng (có tọa độ X=1187740.50; Y=463694.46), điểm cuối tuyến giao với đường BTN hiện trạng (có tọa độ X=1187637.95; Y=464330.77);

- Tuyến 3 ấp Bàu Chiên có chiều dài khoảng 1.116,00m. Điểm đầu tuyến giao với tuyến 2 (có tọa độ X=1187361.05; Y=464400.31), điểm cuối tuyến giáp với suối hiện trạng (có tọa độ X=1186775.65; Y=465105.26);

- Tuyến 4 ấp Bàu Chiên có chiều dài khoảng 954,10m. Điểm đầu tuyến giao với đường BTN hiện trạng (có tọa độ X=1187841.01; Y=465246.81), điểm cuối tuyến giáp với suối hiện trạng (có tọa độ X=1186897.49; Y=465131.28);

- Tuyến 5 ấp Bàu Chiên có chiều dài khoảng 221,52m. Điểm đầu tuyến giao với tuyến 4 (có tọa độ X=1187122.88; Y=465157.99), điểm cuối tuyến giáp với đất dân (có tọa độ X=1187100.84; Y=464956.78);

- Tuyến 6 ấp Bàu Ngứa có chiều dài khoảng 225,61m. Điểm đầu tuyến giao với đường Tân Lâm-Hòa Hiệp (có tọa độ X=1186290.50; Y=465541.01), điểm cuối tuyến giáp với suối hiện trạng (có tọa độ X=1186516.06; Y=465543.59);

- Tuyến 7 ấp Bàu Ngứa có chiều dài khoảng 353,75m. Điểm đầu tuyến giao với đường BTN hiện trạng (có tọa độ X=1186409.96; Y=465736.45), điểm cuối tuyến giáp với suối hiện trạng (có tọa độ X=1186408.84; Y=465382.83);

- Tuyến 8 ấp Bàu Ngứa có chiều dài khoảng 298,47m. Điểm đầu tuyến giao với đường BTN hiện trạng (có tọa độ X=1186476.85; Y=465736.55), điểm cuối tuyến giáp với suối hiện trạng (có tọa độ X=1186474.46; Y=465438.18);

- Tuyến 9 ấp Bàu Ngứa có chiều dài khoảng 1.084,63m. Điểm đầu tuyến giao với đường BTN hiện trạng (có tọa độ X=1185751.10; Y=465566.88), điểm cuối tuyến giao với đường Tân Lâm-Hòa Hiệp (có tọa độ X=1186295.69; Y=466284.48)

- Tuyến 10 ấp Bàu Ngứa có chiều dài khoảng 1.661,84m. Điểm đầu tuyến giao với đường liên ấp Bàu Hàm-Bàu Ngứa (có tọa độ X=1184862.03; Y=464640.72), điểm cuối tuyến giao với đường BTN hiện trạng (có tọa độ X=1185691.75; Y=465580.70);

- Tuyến 11 ấp Bàu Ngứa có chiều dài khoảng 358,30m. Điểm đầu tuyến liên ấp Bàu Hàm-Bàu Ngứa (có tọa độ X=1184855.25; Y=464656.74), điểm cuối tuyến giáp đất dân (có tọa độ X=1185151.24; Y=464789.05);

- Tuyến 12 ấp Bàu Ngứa có chiều dài khoảng 1.065,31m. Điểm đầu tuyến giao với đường BTN hiện trạng (có tọa độ X=1185026.82; Y=465604.96), điểm cuối tuyến giao với đường BTN hiện trạng (có tọa độ X=1185571.80; Y=466175.63).

b. Trắc dọc tuyến:

- Cao độ thiết kế trên trắc dọc các tuyến đường là cao độ mặt đường hoàn thiện xe chạy, được thiết kế về cơ bản là dựa trên độ dốc dọc hiện trạng. Phù hợp mặt đường hiện trạng đảm bảo êm thuận, kết nối thuận lợi với hạ tầng xung quanh. Khống chế tại các vị trí giao cắt trên tuyến, điểm đầu tuyến và cuối tuyến.

c. Trắc ngang tuyến:

- Đối với các tuyến 1, 2, 3, 4, 5 ấp Bàu Chiên và tuyến 11 ấp Bàu Ngứa:

+ Bề rộng mặt đường: 2,50 x 2 = 5,00m.

+ Độ dốc ngang mặt đường: i = 2,00%.

+ Bề rộng lề đường: 0,50 x 2 = 1,0m.

+ Độ dốc ngang lề đường: i = 4,00%.

+ Bề rộng nền đường: 6,00m.

- Đối với tuyến 6 ấp Bàu Ngứa:

+ Bề rộng mặt đường: 3,00 x 2 = 6,00m.

+ Độ dốc ngang mặt đường: i = 3,00%.

+ Bề rộng mương BT đậy đan dọc bên trái đường: 0,90m.

+ Bề rộng mương BT đậy đan dọc bên phải đường: (0,90-:-1,20)m.

+ Bề rộng nền đường: (7,80-:-8,10)m.

- Đối với tuyến 7 ấp Bàu Ngứa:

+ Bề rộng mặt đường: 2,75 x 2 = 5,50m.

+ Độ dốc ngang mặt đường: i = 3,00%.

+ Bề rộng mương BT đậy đan dọc hai bên đường: 0,90 x 2 = 1,80m.

+ Bề rộng nền đường: 7,30m.

- Đối với tuyến 8 ấp Bàu Ngứa:

+ Bề rộng mặt đường: 2,10 x 2 = 4,20m.

+ Độ dốc ngang mặt đường: i = 3,00%.

+ Bề rộng mương BT đậy đan dọc hai bên đường: 0,90 x 2 = 1,80m.

+ Bề rộng nền đường: 6,00m.

- Đối với các tuyến 9 và tuyến 12 ấp Bàu Ngứa:

+ Bề rộng mặt đường: 2,00 x 2 = 4,00m.

+ Độ dốc ngang mặt đường: i = 2,00%.

+ Bề rộng lề đường: 0,50 x 2 = 1,0m.

+ Độ dốc ngang lề đường: i = 4,00%.

+ Bề rộng nền đường: 5,00m.

- Đối với tuyến 10 ấp Bàu Ngứa:

Đoạn từ lý trình Km0+000.00 đến lý trình Km0+705.20:

+ Bề rộng mặt đường: 2,50 x 2 = 5,00m.

+ Độ dốc ngang mặt đường: i = 2,00%.

+ Bề rộng lề đường bên trái tuyến: 1,00m.

+ Bề rộng lề đường bên phải tuyến: 0,50m.

+ Độ dốc ngang lề đường: i = 4,00%.

+ Bề rộng mương hở BT dọc bên trái đường: 1,40m.

+ Bề rộng nền đường: 7,90m.

Đoạn từ lý trình Km0+705.20 đến lý trình Km1+074.00:

+ Bề rộng mặt đường: 2,50 x 2 = 5,00m.

+ Độ dốc ngang mặt đường: i = 2,00%.

+ Bề rộng mương BT đậy đan dọc hai bên đường: 1,00 x 2 = 2,00m.

+ Bề rộng nền đường: 7,00m.

Đoạn từ lý trình Km1+074.00 đến lý trình Km1+661.85:

+ Bề rộng mặt đường: 2,50 x 2 = 5,00m.

+ Độ dốc ngang mặt đường: i = 2,00%.

+ Bề rộng lề đường: 0,50 x 2 = 1,00m.

+ Độ dốc ngang lề đường: i = 4,00%.

+ Bề rộng nền đường: 6,00m.

d. Kết cấu áo đường: Sử dụng kết cấu mặt đường cấp cao A1. Cụ thể:

- Kết cấu áo đường BTN mở rộng, làm mới:

+ Lớp bê tông nhựa chặt loại BTNC 12.5 rải nóng dày 6cm.

+ Tưới nhựa lót mặt đường nhựa pha dầu lượng nhựa TC 1,0 kg/m^2.

+ Lớp cấp phối đá dăm loại I D_{max}= 25mm dày 12cm, lu lèn $K_{yc}\geq 0,98$.

+ Lớp cấp phối đá dăm loại I D_{max}= 37,5mm dày 14cm, lu lèn $K_{yc}\geq 0,98$.

+ Nền đường nguyên thổ - Nền đường đắp đất chọn lọc, lu lèn $K_{yc}\geq 0,95$.

- Kết cấu áo đường BTN tăng cường:

+ Lớp bê tông nhựa chặt loại BTNC 12.5 rải nóng dày 6cm.

+ Tưới nhựa lót mặt đường nhựa pha dầu lượng nhựa TC 1,0 kg/m^2.

+ Lớp cấp phối đá dăm loại I D_{max}= 25mm bù vênh+ tăng cường dày tối thiểu 8cm, lu lèn $K_{yc}\geq 0,98$.

+ Cày sọc mặt đường láng nhựa hiện hữu.

e. Thoát nước:

- Hướng thoát nước của các tuyến đường: Làm mới hệ thống mương bê tông thu gom nước nước tại điểm ngập úng các tuyến dẫn vào hệ thống mương thoát nước hiện hữu của khu vực.

- Thiết kế mương thoát nước: Làm mới hệ thống mương hở và mương BT đậy đan thoát nước cho các tuyến 6, 7, 8, 10 và tuyến 14.

- Kết cấu mương hở BTCT các loại làm mới như sau: Lớp lót móng mương bằng bê tông đá 4x6 M100 dày 10cm; Thân mương bằng BTCT đá 1x2 M250.

- Kết cấu mương BTCT đậy đan các loại làm mới như sau: Lớp lót móng mương bằng bê tông đá 4x6 M100 dày 10cm; Thân mương, tấm đan bằng BTCT đá 1x2 M250..

f. Hệ thống báo hiệu an toàn giao thông:

- Để đảm bảo an toàn cho người và phương tiện giao thông trên đường, sau khi xây dựng xong hệ thống đường trong khu vực cần triển khai thi công ngay các biển báo giao thông tuân thủ theo quy chuẩn " QCVN 41 : 2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Báo hiệu đường bộ". "TCVN: 7887: 2018 Tiêu chuẩn quốc gia và màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ".

10. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

+ TCVN 4419 : 1987: Quy phạm khảo sát cho xây dựng – Nguyên tắc cơ bản;

+ TCCS 31 : 2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;

+ TCVN 9398 : 2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;

+ TCVN 9401 : 2012: Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình;

+ TCVN 4054 : 2005: Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế;

+ TCVN 10380 : 2014: Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế;

+ QCVN 07 : 2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

+ TCVN 7957 : 2023: Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế.

+ TCCS 38 : 2022/TCĐBVN: Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

+ QCVN 41 : 2024/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ;

+ TCVN 4447 : 2012: Công tác đất – Thi công và nghiệm thu;

+ TCVN 9361 : 2012: Công tác nền móng – Thi công và nghiệm thu;

+ TCVN 9436 : 2012: Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu;

+ TCVN 8857 : 2011: Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;

+ TCVN 8859 : 2023: Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;

+ TCVN 13567-1 : 2022: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu – Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa thông thường;

+ TCVN 5574 : 2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 9379 : 2012: Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán;

+ TCVN 4252 : 2012: Quy trình thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công;

+ Và các tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng hiện hành khác có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: **44.200.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ, hai trăm triệu đồng).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	39.208.254.669	đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	877.466.218	đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD	:	2.446.482.030	đồng
- Chi phí khác	:	336.739.900	đồng
- Chi phí dự phòng	:	1.331.057.183	đồng

13. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028

14. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn chi đầu tư phát triển ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu (nguồn đầu tư công).

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

16. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không.

17. Các nội dung khác (nếu có): /

- Chủ đầu tư và các nhà thầu chịu trách nhiệm tính pháp lý, chính xác các số liệu tại hồ sơ trình thẩm định. Kết quả thẩm định của Phòng Kinh tế không làm giảm trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn và kết quả do mình thực hiện.

- Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn tổ chức quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành khác có liên quan; phối hợp với đơn vị thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn lao động, đảm bảo vệ sinh môi trường trong khu vực thi công cũng như trong công tác phòng chống cháy nổ.

Điều 2. Văn phòng HĐND và UBND xã Bàu Lâm là chủ đầu tư công trình, chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Sở Tài chính (thay b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Dũng